SỬA NÓI NGỌNG THANH ĐIỆU HỎI (?)

1. Âm tiết mở bằng nguyên âm đơn:

- Cách nói: Âm tiết đầu là tất cả các âm vị của âm tiết chuẩn nhưng mang thanh huyền, âm tiết thứ 2 là nguyên âm của âm tiết nhưng mang thanh nặng.

- Ví dụ: Tủ = tù + ụ => Cái tủ, Cả = cà + ạ => tất cả, Rổ = Rồ + ộ => cái rổ, Tẻ = tè + ẹ => gạo tẻ, Củ = cù + ụ => dưa củ…

2. Âm tiết mở bằng nguyên âm đôi:

- Cách nói: Âm tiết đầu là tất cả các âm vị của âm tiết chuẩn nhưng mang thanh huyền, âm tiết thứ hai là nguyên âm /Ơ/ mang thanh nặng /Ợ/

- Ví dụ: Của = cùa + ợ, Rửa = rừa + ợ, Tỉa = tìa + ợ

3. Âm tiết khép bằng nguyên âm ngắn: /i/ hoặc /u/

- *Khái niệm:* Âm tiết khép là là những âm tiết được kết thúc bằng một <u>phụ âm không vang</u> (/p, t, k/).

- *Ví dụ:* Lâ**m** nghiệ**p**, the**o** đuổ**i**, cầ**n** cẩ**u**, cơ**n** bã**o**, co**n** he**o**… *(những chữ O ở cuối câu trong các trường hợp trên là biểu thị âm /U/)*

Âm tiết khép bằng /i/ hoặc /u/ mang thanh hỏi như: chổi, bưởi, tuổi, tải, khẩu, tẩu, cẩu, bảo, đảo, chảo…

- Cách nói: Âm tiết đầu là toàn bộ âm tiết đó nhưng mang thanh huyền, âm tiết thứ hai là nguyên âm ngắn nhưng mang thanh nặng:

- *Ví dụ:* **cái CHỔI = cái CHỒI + Ị**
Hòn ĐẢO = hòn ĐÀO + Ụ

4. Âm tiết khép bằng phụ âm mũi:

Trong tiếng Việt, chỉ những âm tiết khép bằng các phụ âm mũi sau đây mới mang thanh HỎI hoặc thanh NGÃ: /m/, /n/, /nh/, /ng/

- Ví dụ: **<u>lẫm</u>** bẩ**<u>m</u>**, tả**<u>n</u>** mả**<u>n</u>**, mả**<u>nh</u>** khả**<u>nh</u>**, lủ**<u>ng</u>** củ**<u>ng</u>**
- Cách nói: Âm tiết đầu là toàn bộ âm tiết đó nhưng mang thanh huyền, âm tiết thứ hai là nguyên âm **<u>/Ư/</u>** (nhưng phát âm giọng mũi và mang thanh nặng **<u>/Ự/</u>**
- Ví dụ: **BẢN = BÀN + Ự, NHẦM = NHÀM + Ự,**
CẢNH = CÀNH + Ự, ỦNG = ÙNG + Ự

BÀI TẬP LUYỆN PHÁT ÂM DẤU HỎI (?)

Bài tập 1: Luyện phát âm trong các từ

1. Tỉ mỉ, lẻ tẻ, lả tả, lở tở, tỏ vẻ, đổ bể, thủ thỉ, kể nể, chỉ chỏ, rủ rỉ, lử đử, bỉ vỏ, nhỏ nhẻ, hể hả, hỉ hả, ngủ nghỉ.

2. Gia phả, chú rể, thổ phỉ, mồ mả, thợ mỏ, dao mổ, sứt mẻ, máu mủ, cửa mở, xả, chim sẻ, đon đả, răng vổ, sách vở, ăn phở, quang phổ, quan phủ, ghẻ lở.

3. Bẩn thỉu, Lủi thủi, lảo đảo, chỉ bảo, ẻo lả, của cải, cởi mở, xởi lởi, dở quẻ, lải nhải, vui vẻ.

4. Lảng vảng, đủng đỉnh, tủn mủn, thả lỏng, chễnh mảng, lỉnh khỉnh, lủng củng, ngủng nghỉnh, khảnh vẻ, lủng lẳng.

5. Lủng liểng, thỉnh thoảng, lẻng xẻng, khủng hoảng, tỉnh trưởng, cản trở, đỏng đảnh, lẩn thẩn, tủm tỉm,

6. Cửa để ngỏ, bổ quả bưởi, giỏ chảy vải, nhổ củ cải, cảnh khổ sở, cửa sổ để ngỏ, ngủ phải mở cửa sổ để thở, chỉnh sửa bảng, biểu điểm phải tỉ mỉ kẻo hỏng, bảng biểu hỏng phải bỏ, kẻo trẻ hiểu sửa đổi biểu điểm chuẩn. Sửa đổi điểm của trẻ phải kiểm điểm.

Bài tập 2: Bài đọc hỗn hợp:

Bác Bảy Hiểu nổi tiếng làm vườn giỏi ở đất Quảng. Bác Hiểu đã 77 tuổi nhưng khỏe lắm. Bác Bảy Hiểu thủ thỉ kể nể: bác thích làm vườn từ thuở nhỏ. Lúc còn trẻ bác hăm hở học hỏi, nghe người cao tuổi chỉ bảo tỉ mỉ từ trồng cây cảnh, làm rau quả, đến làm vườn quả.

Vườn quả của bác Bảy Hiểu có nhiều loại cây quả: đu đủ, vải, bưởi, ổi… đủ cả. Có cả quả phật thủ. Bác Bảy Hiểu chăm chỉ làm việc, tỉa tót tỉ mỉ từng cây, từng quả nên mùa nào thứ nấy tất cả đều sai quả: bưởi lủng liểng, vải mẩy quả, đu đủ đỏ ửng, ổi nhiều quả chảy không xuể, để ủng rụng đỏ cả mảnh vườn.

Bác Bảy Hiểu rất tình cảm, tính tình xởi lởi, cởi mở, vui vẻ. Bác rủ rỉ kể nể rằng: xưa bác khổ lắm, vất vả làm việc không ngơi nghỉ, mong mỏi có vườn quả, gọi là chút của cải, để lúc tuổi già đỡ khổ. Bác bảo, trông quả không phải để chỉ một mình chủ độc hưởng. Bởi vậy ai đến chơi bác Bảy Hiểu lại chảy quả mời ăn thử. Trong vườn nhà bác luôn treo sẵn giỏ chảy quả. Mùa vải bác mang giỏ ra để bẻ vài chùm, mùa bưởi bá rủ cả khách mang giỏ ra chảy bưởi, mùa ổi khách tự chèo cây để chảy ổi. Bác Bảy Hiểu hể hả nhìn khách thưởng thức thành quả của Bác.